

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6 - 2025
V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Đoàn Thị Bấy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A, đường H, khóm D, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A, đường H, khóm D, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C

(xin vắng mặt)

Địa chỉ chi nhánh tỉnh C: Số C, L, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quốc P tự nguyện chung sống vào năm 1999, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2018, ngày 02/11/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông P không tôn trọng bà, hay la mắng, thậm chí còn sử dụng bạo lực với bà. Tuy vợ chồng còn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng. Nay bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên là Trần Quang V, sinh ngày 07/4/2000 và Trần Quang N, sinh ngày 01/5/2003, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định để ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào ngày 04/6/2024, bà có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C số tiền 30.000.000đ, lãi suất 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 7090565752/2024/HĐ-TD, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/6/2029. Quá trình vay, đến ngày 08/5/2025, bà đã trả nợ xong tất cả các khoản vốn và lãi cho nêu trên cho Ngân hàng. Bà xác định, đến nay, vợ chồng không có nợ chung.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, Công văn số 712/CV-NHCS ngày 06/6/2025 và các tài liệu kèm theo của Ngân hàng C chi nhánh tỉnh C thể hiện:

Bà Nguyễn Thị L vay 30.000.000đ vào ngày 04/6/2024, lãi suất 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm theo Hợp đồng tín dụng số 7090565752/2024/HĐ-TD, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/6/2029. Quá trình vay, đến ngày 08/5/2025, bà L đã tất toán món nợ trên cho Ngân hàng.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên xét xử.

Đối với ông Trần Quốc P đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng đến nay ông P vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến và tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Trần Quốc P đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý, Ngân hàng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc P của bà Nguyễn Thị L, xét thấy, bà L và ông P đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/11/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2018, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Bà L cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm, tuy còn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Đối với ông P, ông không đến Tòa án tham gia các phiên họp hòa giải, tham gia phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà L, xác định hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà L ly hôn với ông P.

[4] Về con chung: Bà L và ông P có 02 con chung tên là Trần Quang V, sinh ngày 07/4/2000 và Trần Quang N, sinh ngày 01/5/2003, hiện nay các con đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng, ông P không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, ông P không có ý kiến nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L cho rằng, bà có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C số tiền 30.000.000đ vào ngày 04/6/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 7090565752/2024/HĐ-TD, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/6/2029. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C và bà L đều xác định, đến ngày 08/5/2025, bà L đã trả nợ xong tất cả các khoản vốn và lãi cho nêu trên cho Ngân hàng. Đến nay, vợ chồng không có nợ chung. Ông P không có ý kiến về vấn đề này nên ghi nhận ý kiến của bà L.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà L phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Trần Quốc P.

2/ Về con chung: không đề cập xem xét.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà L phải chịu. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0010153 vào ngày 10/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P và Ngân hàng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh